

Bản án số: 114/2020/HS-ST

Ngày: 18-5-2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Định

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Quang Bảo

Bà Trịnh Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ích Sáng - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 5 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 85/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: **Bùi Thị O** - sinh năm 1985 tại tỉnh Nam Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 4, thôn B, xã A, thành phố Đ, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số 183 đường B, phường H, thành phố Đ, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Đình V1 và bà Đặng Thị N; có chồng Nguyễn Quang H, chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 07-11-2011 bị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xử phạt 06 tháng tù về tội “Môi giới mại dâm”, Ngày 07-9-2015 bị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xử phạt 02 năm tù về tội “Môi giới mại dâm”; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 07-01-2020. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ tên: **Bùi Thị V** - sinh năm 1983 tại tỉnh Nam Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 4, thôn B, xã A, thành phố Đ, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số 203 đường T, phường D, thành phố Đ, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Đình V1 và bà Đặng Thị N; có chồng

Trần Trọng C và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 26-9-2018 bị Công an phường Lộc Hạ, thành phố Nam Định xử phạt hành chính hình thức phạt tiền 1.000.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 07-01-2020. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Trần Thị Tổ N1, sinh năm 1985; nơi cư trú: Số 528 đường Trần Huy Liệu, phường Mỹ Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- Chị Phạm Thị N2, sinh năm 1987; nơi cư trú: Xóm 16, xã Nghĩa Thái, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- Anh Đỗ Trung D, sinh năm 1976; nơi cư trú: Số 185 đường Hoàng Văn Thụ, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- Chị Phạm Thị G, sinh năm 1982; nơi cư trú: Số 19/241 đường Văn Cao, phường Trần Quang Khải, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

** Người làm chứng:* Anh Vũ Văn H, anh Đinh Việt D1 (Không triệu tập tới phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Thị O và Bùi Thị V là hai chị em ruột cùng thuê nhà tại địa chỉ: Số 183 đường B, phường H, thành phố Đ để bán xổ số. Do muốn có thêm thu nhập nên O và V thống nhất bán thêm số lô, số đề. Cụ thể như sau: Mỗi điểm lô trị giá 22.500 đồng, người mua tự chọn các số từ 00 đến 99, nếu số tự chọn trùng với hai số cuối cùng của một trong 27 giải xổ số miền Bắc mở thưởng trong ngày thì được trúng thưởng với tỷ lệ 01 điểm lô = 80.000 đồng. Nếu trùng nhiều lần thì nhân với số lần tương ứng. Nếu số lô đã mua không trùng với 02 số cuối cùng của bất kỳ giải nào thì người mua mất số tiền đã bỏ ra. Về đánh đề thì người mua tự chọn các số từ 00 đến 99, nếu số đề đã mua trùng với 02 số cuối cùng của giải đặc biệt xổ số miền Bắc mở thưởng trong ngày thì người mua được trúng thưởng với tỷ lệ gấp 80 lần số tiền đã bỏ ra mua số đề. V và O thỏa thuận V là người bán số lô, số đề và ghi tích-kê cho khách rồi chuyển tích-kê lưu cùng số tiền bán số lô, số đề cho O. O sau đó làm nhiệm vụ tổng hợp, thanh toán trực tiếp với khách thắng hoặc đưa tiền cho V thanh toán. O sẽ trả tiền công cho V mỗi ngày là 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng).

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 30-12-2019, Bùi Thị V đang ngồi tại bàn xổ số trước cửa nhà tại địa chỉ: Số 183 đường B, phường H, thành phố Đ thì Vũ Văn H đến mua của V các số lô “43”, “74”, “45” mỗi số 30 điểm; số lô “90”, “00” mỗi số 20 điểm, tổng 130 điểm lô tương đương với số tiền là 2.925.000

đồng; số đề “90” là 75.000 đồng. Tổng số tiền H trả cho V để mua số lô, số đề trên là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Ngay sau đó, Đinh Việt D1 đến mua của Vân số lô “31” là 80 điểm, số lô “79”, “97” mỗi số 20 điểm, tổng 120 điểm lô tương đương với số tiền là 2.700.000 đồng; số đề “01”, “10” mỗi số là 20.000 đồng, số đề “79”, “97” mỗi số là 15.000 đồng. Tổng số tiền D1 trả cho V để mua số lô, số đề trên là 2.770.000 đồng (hai triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

Sau khi ghi tích-kê và lấy tiền mua số lô, số đề của H và D1, V cầm theo 02 tờ tích-kê lưu cùng số tiền vừa bán số lô, số đề mang vào nhà đưa cho O. Khi O vừa cầm 02 tờ tích-kê cùng số tiền V đưa thì bị tổ công tác Công an thành phố Nam Định bắt quả tang. Tổ công tác thu giữ của O 02 tờ tích-kê lưu số lô, số đề có chữ ký của V và số tiền 5.770.000 đồng vừa bán số lô, số đề cho H1, H; thu giữ của V 05 tờ kết quả xổ số miền Bắc; thu giữ của D1, H 02 tờ tích-kê gốc ghi số lô, số đề vừa mua của V.

Ngoài ra, O tự giác giao nộp 12 tờ tích-kê lưu số lô, số đề có chữ ký của V cùng 01 tờ giấy A4 tổng hợp số lô, số đề và số tiền 1.690.000 đồng mà V đã bán số lô, số đề cho khách (không rõ tên tuổi, địa chỉ) trong ngày 30-12-2019.

Trong quá trình điều tra, Bùi Thị O còn giao nộp cho cơ quan điều tra các giấy vay tiền mà O đã cho 04 người khác vay trong khoảng thời gian từ tháng 01/2018 đến tháng 8/2019 với tổng số tiền là 160.000.000 đồng, với mức lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương mức lãi suất 109,5%/năm) đến 3.330 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương mức lãi suất 121,545%/năm). Trong khi mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là không vượt quá 20%/năm. Như vậy đã vượt quá 5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. O đã thu lợi bất chính số tiền là 115.250.000 đồng. Cụ thể như sau:

* Trường hợp 1: Chị Trần Thị Tố N1 vay của Bùi Thị O 04 lần, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 20-06-2018, chị N1 vay của Oanh số tiền 30.000.000 đồng với mức lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Từ ngày 20-6-2018 đến ngày 20-9-2018, chị N1 đã trả lãi cho O trong 03 tháng với số tiền là 8.100.000 đồng. Đến ngày 20-9-2018, chị N1 đã trả hết tiền gốc 30.000.000 đồng cho O.

- Lần 2: Ngày 20-7-2018, chị N1 vay của O số tiền 5.000.000 đồng với mức lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Từ ngày 20-7-2018 đến ngày 20-10-2018, chị N1 đã trả lãi cho O trong 03 tháng với số tiền là 1.350.000 đồng. Đến ngày 20-10-2018, chị N1 đã trả hết tiền gốc 5.000.000 đồng cho O.

- Lần 3: Ngày 20-9-2018, chị N1 vay của O số tiền 25.000.000 đồng với mức lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Chị N1 đã trả lãi cho O số tiền sau 14 tháng tính từ ngày vay là: 31.500.000 đồng. Đến nay chị N1 chưa trả tiền gốc 25.000.000 đồng cho O.

- Lần 4: Ngày 09-4-2019, chị N1 vay của O số tiền 10.000.000 đồng với mức lãi suất 3.330 đồng/1.000.000 đồng/tháng. Từ ngày 09-4-2019 đến tháng

10/2019, chị N1 đã trả lãi cho O trong 07 tháng số tiền là 7.000.000 đồng. Đến nay chị N1 chưa trả tiền gốc 10.000.000 đồng cho O.

Như vậy, qua 04 lần, O đã cho chị N1 vay tổng số tiền là 70.000.000 đồng. O đã thu được tổng số tiền lãi từ chị N1 là 47.950.000 đồng, trong đó: Số tiền lãi bằng 20%/năm của tổng số tiền vay là 8.750.000 đồng; số tiền lãi vượt quá quy định của Bộ luật Dân sự mà O chiếm hưởng bất hợp pháp là 39.200.000 đồng.

* Trường hợp 2: Chị Phạm Thị N2 vay của Bùi Thị O 02 lần, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 26-7-2019, chị N2 vay của O số tiền 20.000.000 đồng với mức lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Từ ngày 26-7-2019 đến tháng 12/2019, chị N2 đã trả lãi cho O trong 06 tháng với số tiền là 10.800.000 đồng. Đến nay chị N2 chưa trả tiền gốc 20.000.000 đồng cho O.

- Lần 2: Ngày 03-8-2019, chị N2 vay của O số tiền 30.000.000 đồng với mức lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Từ ngày 03-8-2019 đến tháng 12/2019, chị N2 đã trả lãi cho O trong 05 tháng với số tiền là 13.500.000 đồng. Đến nay chị N2 chưa trả tiền gốc 30.000.000 đồng cho O.

Như vậy, qua 02 lần, O đã cho chị N2 vay tổng số tiền là 50.000.000 đồng. O đã thu được tổng số tiền lãi từ chị N2 là 24.300.000 đồng, trong đó: Số tiền lãi bằng 20%/năm của tổng số tiền vay là 4.500.000 đồng; số tiền lãi vượt quá quy định của Bộ luật Dân sự mà O chiếm hưởng bất hợp pháp là 19.800.000 đồng.

* Trường hợp 3: Anh Đỗ Trung D vay của Bùi Thị O 02 lần, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 11-10-2018, anh D vay của O số tiền 20.000.000 đồng với mức lãi suất 3.330 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Từ ngày 11-10-2018 đến tháng 12/2019, anh D đã trả lãi cho O trong 14 tháng với số tiền là 28.000.000 đồng. Đến nay anh D chưa trả tiền gốc 20.000.000 đồng cho O.

- Lần 2: Ngày 26-11-2018, anh D vay của O số tiền 5.000.000 đồng với mức lãi suất 3.330 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Từ ngày 26-11-2018 đến tháng 12/2019, anh D đã trả lãi cho O trong 13 tháng với số tiền là 6.500.000 đồng. Đến nay anh D chưa trả tiền gốc 5.000.000 đồng cho O.

Như vậy, qua 02 lần, O đã cho anh D vay tổng số tiền là 25.000.000 đồng. O đã thu được tổng số tiền lãi từ anh D là 34.500.000 đồng, trong đó: Số tiền lãi bằng 20%/năm của tổng số tiền vay là 5.750.000 đồng; số tiền lãi vượt quá quy định của Bộ luật Dân sự mà O chiếm hưởng bất hợp pháp là 28.750.000 đồng.

* Trường hợp 4: Chị Phạm Thị G vay của Bùi Thị O 03 lần, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 17-01-2018, chị G vay của O số tiền 5.000.000 đồng với mức lãi suất 3.330 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Từ ngày 17-01-2018 đến tháng

12/2019, chị G đã trả lãi cho O trong 23 tháng với số tiền là 11.500.000 đồng. Đến nay chị G chưa trả tiền gốc 5.000.000 đồng cho O.

- Lần 2: Ngày 07-02-2018, chị G vay của O số tiền 5.000.000 đồng với mức lãi suất 3.330 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Từ ngày 07-02-2018 đến tháng 12/2019, chị G đã trả lãi cho O trong 22 tháng với số tiền là 11.000.000 đồng. Đến nay chị G chưa trả tiền gốc 5.000.000 đồng cho O.

- Lần 3: Ngày 25-02-2018, chị G vay của O số tiền 5.000.000 đồng với mức lãi suất 3.330 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Từ ngày 25-02-2018 đến tháng 12/2019, chị G đã trả lãi cho O trong 21 tháng với số tiền là 10.500.000 đồng. Đến nay chị G chưa trả tiền gốc 5.000.000 đồng cho O.

Như vậy, qua 03 lần, O đã cho chị G vay tổng số tiền là 15.000.000 đồng. O đã thu được tổng số tiền lãi từ chị G là 33.000.000 đồng, trong đó: Số tiền lãi bằng 20%/năm của tổng số tiền vay là 5.500.000 đồng; số tiền lãi vượt quá quy định của Bộ luật Dân sự mà O chiếm hưởng bất hợp pháp là 27.500.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, Bùi Thị O và Bùi Thị V thừa nhận toàn bộ hành vi như trên. Đồng thời, Bùi Thị O khai số tiền lãi có được từ việc cho 04 người trên vay O đều đã chi tiêu cá nhân hết. Hiện cơ quan điều tra chưa thu hồi được số tiền trên.

Đối với Vũ Văn H và Đinh Việt D1 do hành vi chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” nên Công an thành phố Nam Định đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với những người mua số lô, số đề của V trong ngày 30-12-2019 hiện chưa xác định được lai lịch, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định đã tách hồ sơ và tiếp tục xác minh, xử lý sau.

Bản cáo trạng số 84/CT-VKS-TP.NĐ ngày 12-3-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định truy tố bị cáo Bùi Thị O về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự và tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Bùi Thị V về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo Bùi Thị O tại phiên tòa thể hiện hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” và tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo Bùi Thị V tại phiên tòa thể hiện hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”. Do đó Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Bùi Thị O phạm tội “Đánh bạc” và tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s, n khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo Bùi Thị O từ 12 tháng đến 15 tháng tù đối với tội “Đánh bạc”, Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm s, n, r khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự: phạt bị cáo Bùi Thị O từ 12 tháng đến 18 tháng tù đối với tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Bùi Thị O.

- Tuyên bố bị cáo Bùi Thị V phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, n khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo Bùi Thị V từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

- Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 7.460.000 đồng các bị cáo có được từ việc đánh bạc.

- Đối với số tiền cho vay (tiền gốc): Buộc chị Trần Thị Tố N1 nộp lại số tiền 35.000.000 đồng, chị Phạm Thị N2 nộp lại số tiền 50.000.000 đồng, anh Đỗ Trung D nộp lại số tiền 25.000.000 đồng, chị Phạm Thị G nộp lại số tiền 15.000.000 đồng, bị cáo Bùi Thị O nộp lại số tiền 35.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Đối với khoản tiền lãi trên 20%/năm: Buộc bị cáo Bùi Thị O trả lại cho chị Trần Thị Tố N1 số tiền 39.200.000 đồng, trả lại chị Phạm Thị N2 số tiền 19.800.000 đồng, trả lại anh Đỗ Trung D số tiền 28.750.000 đồng, trả lại chị Phạm Thị G số tiền 27.500.000 đồng.

- Đối với khoản tiền lãi tương ứng 20%/năm: Truy thu của bị cáo Bùi Thị O số tiền 24.500.000 đồng

Các bị cáo Bùi Thị O, Bùi Thị V nói lời sau cùng: Các bị cáo đều trình bày rất ăn năn, hối hận đối với hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt chính và xin miễn hình phạt bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Bùi Thị O, Bùi Thị V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng

của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án điều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo Bùi Thị O, Bùi Thị V tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án nên có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 30-12-2019, Bùi Thị O và Bùi Thị V đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức bán số lô, số đề cho khách với số tiền là 7.460.000 đồng tại nhà số 183 đường B, phường H, thành phố Đ. Các bị cáo đều là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rất rõ hành vi mà các bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến trật tự công cộng nhưng vẫn cố ý thực hiện. Số tiền các bị cáo đánh bạc là 7.460.000 đồng nên hành vi của các bị cáo Bùi Thị O, Bùi Thị V đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Xét về vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Các bị cáo cùng thực hiện tội phạm đánh bạc nên là đồng phạm, tuy nhiên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Xét vai trò của từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo Bùi Thị O giữ vai trò đầu trong vụ án, bị cáo Bùi Thị V được bị cáo Bùi Thị O thuê để trực tiếp bán số lô, số đề cho khách nên xếp vai trò thứ hai.

Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ tháng 01/2018 đến tháng 08/2019, Bùi Thị O còn có hành vi cho 04 người khác vay tổng số tiền là 160.000.000 đồng, với mức lãi suất từ 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương mức lãi suất 109,5%/năm) đến 3.330 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương 121,545%/năm), vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, thu được tổng số tiền lãi là 139.750.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi theo mức cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm của tổng số tiền vay tương đương là 24.500.000 đồng, số tiền lãi vượt quá quy định của Bộ luật Dân sự là 115.250.000 đồng. Hành vi của bị cáo Bùi Thị O là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, gây mất trật tự an toàn xã hội. Bị cáo biết rõ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của mình bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện; số tiền lãi bị cáo Bùi Thị O thu lợi bất chính là 115.250.000 đồng nên bị cáo đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Bùi Thị O: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì bị cáo Bùi Thị O đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tự thú đối với hành vi cho vay lãi nặng. Ngoài ra, bị cáo đang có thai. Vì vậy, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, n, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Bùi Thị O không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đối với bị cáo Bùi Thị V: Bị cáo Bùi Thị V phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo Bùi Thị V đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, bị cáo đang có thai. Vì vậy, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s, n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Bùi Thị V không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt đối với các bị cáo:

Đối với tội đánh bạc: Bị cáo Bùi Thị O với vai trò thứ nhất, do vậy cần áp dụng mức hình phạt cao hơn bị cáo Bùi Thị V.

Xét thấy các bị cáo đều được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử chỉ xử phạt các bị cáo ở mức thấp trong khung hình phạt mà các bị cáo bị truy tố.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo Bùi Thị O, Bùi Thị V đều có hoàn cảnh khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sẽ xử lý vật chứng của vụ án như sau:

* Số tiền 7.460.000 đồng là tiền do các bị cáo bán lô, đề mà có nên cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

* Đối với số tiền bị cáo Bùi Thị O cho chị Trần Thị Tố N1 vay là 70.000.000 đồng, chị N1 đã trả bị cáo O 35.000.000 đồng, hiện chưa trả 35.000.000 đồng: Xét thấy đây là phương tiện phạm tội nên sẽ truy thu của bị cáo O 35.000.000 đồng, truy thu của chị N1 35.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước. Chị N1 không phải có nghĩa vụ trả nợ gốc cho bị cáo O.

Đối với số tiền lãi bị cáo O đã thu được của chị N1 là 47.950.000 đồng: Xét thấy trong đó có số tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền 8.750.000 đồng là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên sẽ truy thu của bị cáo O để sung quỹ Nhà nước. Vì chị N1 vay tiền của bị cáo O không sử dụng vào mục đích bất hợp pháp nên số tiền lãi vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự mà bị cáo O đã thu của chị N1 là 39.200.000 đồng sẽ bị truy thu từ bị cáo Bùi Thị O để trả lại cho chị N1. Tuy nhiên, chị N1 còn bị truy thu số tiền 35.000.000 đồng nên sẽ đối trừ. Cụ thể: 39.200.000 đồng – 35.000.000 đồng = 4.200.000 đồng.

Như vậy, đối với khoản vay của chị Trần Thị Tố N1 sẽ truy thu của bị cáo Bùi Thị O là: tiền gốc 70.000.000 đồng; tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự 8.750.000 đồng để sung quỹ Nhà nước và buộc bị cáo Bùi Thị O trả lại cho chị Trần Thị Tố N1 là 4.200.000 đồng.

* Đối với số tiền bị cáo Bùi Thị O cho chị Phạm Thị N2 vay là 50.000.000 đồng, hiện chưa trả: Xét thấy đây là phương tiện phạm tội nên sẽ truy thu của chị N2 50.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước. Chị N2 không phải có nghĩa vụ trả nợ gốc cho bị cáo O.

Đối với số tiền lãi bị cáo O đã thu được của chị N2 là 24.300.000 đồng: Xét thấy trong đó có số tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền 4.500.000 đồng là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên sẽ truy thu của bị cáo O để sung quỹ Nhà nước. Vì chị N2 vay tiền của bị cáo O không sử dụng vào mục đích bất hợp pháp nên số tiền lãi vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự mà bị cáo O đã thu của chị N2 là 19.800.000 đồng sẽ bị truy thu từ bị cáo Bùi Thị O để trả lại cho chị N2. Tuy nhiên, chị N2 còn bị truy thu số tiền 50.000.000 đồng nên sẽ đối trừ. Cụ thể: 50.000.000 đồng – 19.800.000 đồng = 30.200.000 đồng.

Như vậy, đối với khoản vay của chị Phạm Thị N2 sẽ truy thu của bị cáo Bùi Thị O là: tiền gốc 19.800.000 đồng; tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự 4.500.000 đồng và truy thu của chị Phạm Thị N2 là 30.200.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

* Đối với số tiền bị cáo Bùi Thị O cho anh Đỗ Trung D vay là 25.000.000 đồng, hiện chưa trả: Xét thấy đây là phương tiện phạm tội nên sẽ truy thu của anh D 25.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước. Anh D không phải có nghĩa vụ trả nợ gốc cho bị cáo O.

Đối với số tiền lãi bị cáo O đã thu được của anh D là 34.500.000 đồng: Xét thấy trong đó có số tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền 5.750.000 đồng là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên sẽ truy thu của bị cáo O để sung quỹ Nhà nước. Vì anh D vay tiền của bị cáo O không sử dụng vào mục đích bất hợp pháp nên số tiền lãi vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự mà bị cáo O đã thu của anh D là 28.750.000 đồng sẽ bị truy thu từ bị cáo Bùi Thị O để trả lại cho anh D. Tuy nhiên, anh D còn bị truy thu số tiền 25.000.000 đồng nên sẽ đối trừ. Cụ thể: 28.750.000 đồng – 25.000.000 đồng = 3.750.000 đồng.

Như vậy, đối với khoản vay của anh Đỗ Trung D sẽ truy thu của bị cáo Bùi Thị O là: tiền gốc 25.000.000 đồng; tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự 5.750.000 đồng để sung quỹ Nhà nước và buộc bị cáo Bùi Thị O trả lại cho anh Đỗ Trung D là 3.750.000 đồng.

* Đối với số tiền bị cáo Bùi Thị O cho chị Phạm Thị G vay là 15.000.000 đồng, hiện chưa trả: Xét thấy đây là phương tiện phạm tội nên sẽ truy thu của chị G 15.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước. Chị G không phải có nghĩa vụ trả nợ gốc cho bị cáo O.

Đối với số tiền lãi bị cáo O đã thu được của chị G là 33.000.000 đồng: Xét thấy trong đó có số tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự tương ứng với

số tiền 5.500.000 đồng là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên sẽ truy thu của bị cáo O để sung quỹ Nhà nước. Vì chị G vay tiền của bị cáo O không sử dụng vào mục đích bất hợp pháp nên số tiền lãi vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự mà bị cáo O đã thu của chị G là 27.500.000 đồng sẽ bị truy thu từ bị cáo Bùi Thị O để trả lại cho chị G. Tuy nhiên, chị G còn bị truy thu số tiền 15.000.000 đồng nên sẽ đối trừ. Cụ thể: 27.500.000 đồng – 15.000.000 đồng = 12.500.000 đồng.

Như vậy, đối với khoản vay của chị Phạm Thị G sẽ truy thu của bị cáo Bùi Thị O là: tiền gốc 15.000.000 đồng; tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự 5.500.000 đồng để sung quỹ Nhà nước và buộc bị cáo Bùi Thị O trả lại cho chị Phạm Thị G là 12.500.000 đồng.

[7] Về án phí: Các bị cáo Bùi Thị O, Bùi Thị V bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

* Bị cáo Bùi Thị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tiền lãi thu lợi bất chính phải trả lại cho người vay, cụ thể như sau:

Án phí đối với phần tiền lãi thu lợi bất chính phải trả lại cho chị Trần Thị Tố N1: 300.000 đồng.

Án phí đối với phần tiền lãi thu lợi bất chính phải trả lại cho anh Đỗ Trung D: 300.000 đồng.

Án phí đối với phần tiền lãi thu lợi bất chính phải trả lại cho chị Phạm Thị G: 12.500.000 đồng x 5% = 625.000 đồng.

Tổng cộng án phí dân sự sơ thẩm bị cáo Bùi Thị O phải chịu là 1.225.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Thị O phạm tội “Đánh bạc” và tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; khoản 2 Điều 201; điểm s, n, r khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị O 01 năm tù (Một năm tù) về tội “Đánh bạc” và 01 năm tù (Một năm tù) về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Tổng hợp hình phạt: Bị cáo Bùi Thị O phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 (hai) tội là 02 năm tù (Hai năm tù).

Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Tuyên bố bị cáo Bùi Thị V phạm tội “Đánh bạc”

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, n khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị V 09 tháng tù (Chín tháng tù). Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3. Xử lý vật chứng:

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 7.460.000 đồng (bảy triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) (Vật chứng có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16-3-2020).

Truy thu đối với bị cáo Bùi Thị O số tiền dùng vào việc phạm tội (tiền gốc) là 129.800.000 đồng và tiền phát sinh từ hành vi phạm tội (tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự) là 24.500.000 đồng, tổng cộng là 154.300.000 đồng (một trăm năm mươi tư triệu ba trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Truy thu đối với chị Phạm Thị N2 số tiền 30.200.000 đồng (ba mươi triệu hai trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo Bùi Thị O phải trả lại khoản tiền lãi thu lợi bất chính cho người vay, cụ thể: trả lại chị Trần Thị Tố N1 4.200.000 đồng (bốn triệu hai trăm nghìn đồng), trả lại anh Đỗ Trung D 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), trả lại chị Phạm Thị G 12.500.000 đồng (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày chị Trần Thị Tố N1, anh Đỗ Trung D, chị Phạm Thị G có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bị cáo Bùi Thị O còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí:

- Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Bùi Thị V phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Bùi Thị O phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.225.000 đồng (một triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Các bị cáo Bùi Thị O, Bùi Thị V được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan là chị Trần Thị Tố N1, chị Phạm Thị N2, anh Đỗ Trung D, chị Phạm Thị G (vắng mặt) có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND TP. Nam Định;
- Công an TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Thị Thu Định